TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **184** /2018/HNGĐ-ST;
Ngày: 20/6/2018;
V*/v "Xin ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Công**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Phạm Văn Hợp.**

2/ Ông **Phạm Danh Hiếu.**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Trung Chánh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36 /2018/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 02 năm 2018, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2018 giữa:

Nguyên đơn: **Trương Thị Yến N,** sinh năm 1984 (có mặt);
Cư trú: Ấp ÔC, xã TTr, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Tống Văn T,** sinh năm 1973 (vắng mặt lần 2);
Cư trú: Ấp ÔC, xã TTr, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2018, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trương Thị Yến N trình bày như sau:

Chị và anh Tống Văn T chung sống với nhau thành vợ chồng vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã Tân Trung cấp giấy chứng nhận kết hôn số 187/HT ngày 22 tháng 07 năm 2004.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân: do chồng thường xuyên đi uống rượu không lo phụ gia đình cùng chị, khi chị

nói thì vợ, chồng cự cải nhau thường xuyên, từ đó không có bàn bạc việc làm ăn. Gần đây anh T càng đi uống rượu nhiều hơn, mặc dù sống chung nhà nhưng chị đã ly thân đến nay 03 năm, xét thấy tình cảm vợ chồng không khả năng hàn gắn nên chị tự nguyện làm đơn xin ly hôn với anh Tống Văn T.

Về con chung có 02 con: Tống Thị Chi L, sinh ngày 08/02/2005 và Tống Thị Mỹ U, sinh ngày 24/3/2008, hiện nay các con sống chung nhà với chị.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Khi được ly hôn thì chị yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con 02 con chung, không yêu cầu anh Tống Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn Tống Văn T do đi vắng nhà, nên không thực hiện được việc tống đạt các văn bản tố tụng, nên có niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật:

Xét thấy từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử trước khi nghị án, thấy Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Trương Thị Yến N ly hôn với anh Tống Văn T.

Về nuôi con: Xét thấy, theo bản tự khai của cháu Tống Thị Chi L, sinh ngày 08/02/2005 và Tống Thị Mỹ U, sinh ngày 24/3/2008 có nguyện vọng, khi cha, mẹ ly hôn con ở chung với mẹ. Đề nghị giao 02 cháu cho chị Trương Thị Yến N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; nhưng anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con không ai được cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và nghe thêm lời trình bày của chị Trương Thị Yến N tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Tòa án thụ lý vụ án có thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, về quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn".

Tại phiên tòa nguyên đơn Trương Thị Yến N có mặt, bị đơn Tống Văn T vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị Yến N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Tống Văn T.

Anh Tống Văn T vắng mặt, nhưng qua nhiều thông tin thì anh vẫn biết là chị Nh có nộp đơn xin ly hôn với anh, được Tòa án nhân dân thị xã Gò Công giải quyết, do anh cố tình không hợp tác với Tòa án.

Xét thấy, chị Trương Thị Yến N và anh Tống Văn T sống chung với nhau thành vợ chồng vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã Long Hưng, thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận kết hôn số 187/HT ngày 22 tháng 7 năm 2004.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị Nh trình bày là do anh T thường xuyên uống rượu không lo phụ chuyện gia đình, nên vợ chồng không có bàn bạc việc làm ăn, thời gian gần đây anh T càng uống rượu nhiều hơn, chị đã ly thân 03 năm nay.

Tòa án có tiến hành xác minh chính quyền địa phương về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và về việc nuôi con, thì được biết: nguyên nhân mâu thuẫn của vợ, chồng chị Nh và anh T thì địa phương không rõ. Về điều kiện nuôi con thì chị Nh đang trực tiếp nuôi con và có việc làm ổn định về may gia công và nông nghiệp.

Hội đồng xét xử, xét thấy chị Nh và anh T trong quá trình chung sống với nhau đã có xảy ra nhiều mâu thuẫn như đã nêu, nên vợ, chồng ly thân đã 03 năm nay. Như vậy, đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Yến N.

Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Yến N ly hôn với anh Tống Văn T là hợp lý.

Về nuôi con: Xét thấy, theo bản tự khai của cháu Tống Thị Chi L, sinh ngày 08/02/2005 và Tống Thị Mỹ U, sinh ngày 24/3/2008 có nguyện vọng, khi cha, mẹ ly hôn con ở chung với mẹ. Cho nên cần giao 02 cháu cho chị Trương Thị Yến N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; nhưng anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Khai không có.

Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Xét thấy, đại diện Viện kiểm sát kết luận và đề nghị về việc giải quyết vụ án là có phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Yến N.

Về hôn nhân: Cho chị Trương Thị Yến N ly hôn với anh Tống Văn T.

Về nuôi con: Giao cháu Tống Thị Chi L, sinh ngày 08/2/2005 và Tống Thị Mỹ U, sinh ngày 24/3/2008 cho chị Trương Thị Yến N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Tống Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; nhưng anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 42336 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nh đã nộp đủ tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Yến N có mặt tại phiên tòa thì có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án; đối với anh Tống Văn T vắng mặt thì quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát TXGC;
-Chi cục THADSTXGC;
-Các đương sự;
-UBND xã TTr,TXGC;
-Lưu hồ sơ, án văn.

TRẦN VĂN CÔNG